

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Thân Văn Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1996 (có mặt)

HKTT: Thôn M, xã H (nay là tổ dân phố M, thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Lương Văn Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H (nay là tổ dân phố M, thị trấn N), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – chị Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: chị và anh Lương Văn Đ kết hôn với nhau ngày 15/01/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai vợ chồng chị có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo

phong tục địa phương, chị về nhà anh Đ làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ ham chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xảy ra xích mích. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn có trong hồ sơ – anh Lương Văn Đ trình bày như sau:

Anh và chị Hà Thị T kết hôn với nhau ngày 15/01/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai vợ chồng anh có được tìm hiểu nhau rồi kết hôn. Sau khi tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, chị T về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng với mẹ anh được một năm thì hai vợ chồng đi miền nam làm ăn. Quá trình chung sống thì anh có hút thuốc và chơi cờ bạc nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2019 đến nay. Hiện nay vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, nói chuyện với nhau, nhưng chị T chỉ nghĩ cho riêng chị T không cố gắng vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án không giải quyết ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc của anh Đ không thể đến Tòa án làm việc được, anh đã có lời khai trong hồ sơ nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Bà Nguyễn Thị H – mẹ đẻ anh Lương Văn Đ cung cấp: Chị Hà Thị T và anh Lương Văn Đ kết hôn với nhau năm 2016, sau khi cưới thì chị T và anh Đ chung sống cùng bà được 1 năm thì đi miền nam làm ăn, cuộc sống vợ chồng không biết có mâu thuẫn gì không, nhưng đến tháng 6/2019 chị T và anh Đ từ miền nam về thì chị T có nói là anh Đ nghiện thuốc lá và chơi cờ bạc nên không ở được và đòi ly hôn, sau đó chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Hà Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Về quan hệ vợ chồng, chị xin ly hôn với anh Đ. Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng đất không có chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Đ có trong hồ sơ, chị T không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lương Văn Đ.
- Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Lương Văn Đ, địa chỉ: thôn M, xã H (nay là tổ dân phố M, thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt anh Đ: Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt nhưng anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh Đ đều trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2016 tại UBND xã H (nay là thị trấn N), huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy hôn nhân của chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh Đ đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn nhưng anh Đ không đồng ý. Tuy nhiên qua xác minh thì thấy thực sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc chị T xin ly hôn anh Đ là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị T, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra cần áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lương Văn Đ.
- Về án phí: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001055 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết